TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 01 – 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn
Ông Hà Trọng Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Mai - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 609/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thu T. Sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Số 157, ấp 4, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Ông Quách Chí D. Sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Số 08, ấp 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Trần Thu T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Quách Chí D tự nguyện kết hôn vào ngày 25/8/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà và ông D đã ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Hiện bà xác định không còn tình cảm, không thể chung sống được nữa với ông D nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Quách Chí D.

Về con chung: Có một người con tên Quách Trà Mi, sinh năm 2000 nhưng đã chết vào ngày 31/8/2023 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Quách Chí D: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông biết tham gia tố tụng tại vụ án nhưng ông D đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Quách Chí D đến để tham gia các phiên xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà T và ông D tự nguyện kết hôn vào ngày 25/8/2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 25/8/2006) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống bà T xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, không còn tình cảm với nhau, bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông D được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Đối với ông D đã biết việc bà T xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của bà T và chấp nhận cho bà T ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: Có một người con chung tên Quách Trà Mi, sinh năm 2000 nhưng đã chết vào ngày 31/8/2023 nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có. Ông D không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của bà T.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thu T ly hôn với ông Quách Chí D.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thu T phải chịu 300.000đồng. Ngày 20/10/2023, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008515 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, Tp. Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thùy Nhiêu